**Học thuyết ý niệm và triết học pháp quyền**

Nguyễn Phước Lộc

Loc Nguyen’s Academic Network, Việt Nam

Email: ng\_phloc@yahoo.com

Homepage: www.locnguyen.net

**Tóm tắt**

Thế giới là ý niệm, con người là ý niệm, cái cây là ý niệm, tiên đề là ý niệm, tất cả mọi thứ đều là ý niệm. Mỗi ý niệm đều “là”, “sống trong” hay “ảo tưởng trong” bản sao thế giới của riêng mình mà mỗi bản sao này không thật mà cũng thật, đó là những bong bóng.Chỉ có ta với tư cách là ý niệm bằng ý lực (free will) biện minh tồn tại cho chính ta biến chuyển thành biện minh tồn tại cho vô số ý niệm khác nhưng bong bóng ý niệm khác không thể biết (không tồn tại) đối với ta, đây chính là trọng tâm của học thuyết ý niệm mà trong đó: ý thức và vật chất là một hay nói chiết trung rằng ranh giới giữa vật chất và ý thức đang nhòa dần. Triết học pháp quyền nghiên cứu ý niệm pháp quyền đúng thật làm tham chiếu cho pháp quyền thực định và ý niệm pháp quyền có ý chí tự do (free will) làm biện minh tồn tại. Bài nghiên cứu này gồm hai mục tiêu: 1) phát biểu và cố gắng chứng minh học thuyết ý niệm bởi/và đối sánh với triết học pháp quyền Hegel, và 2) kết nối học thuyết ý niệm với triết học pháp quyền Hegel.

**Từ khóa:** triết học pháp quyền, pháp quyền lý tính, pháp quyền trừu tượng, học thuyết ý niệm.

**Học thuyết ý niệm**

Trong những nghiên cứu trước (Nguyen, Tàng thức và phân tâm học, 2020), (Nguyen, Trí tuệ luận, 2023), tôi đã cố gắng chứng minh tính hiện thực của ý thức hay nói cách khác ý thức và vật chất là một, hay nói chiết trung rằng ranh giới giữa vật chất và ý thức đang nhòa dần. Trong bài nghiên cứu này tôi đối sánh tính hiện thực của ý thức với ý niệm cùng triết học pháp quyền của Hegel (1770 – 1831) (Hegel & Bùi, 1970). Ta cần tìm hiểu luận đề nổi tiếng của Hegel “*cái gì hợp lý tính là hiện thực và cái gì hiện thực thì hợp lý tính*” (Hegel & Bùi, 1970, p. 100). Luận đề này là sự tương đương giữa hợp lý tính và hiện thực và do đó, hợp lý tính được thể hiện bởi ý niệm mà *ý niệm* là cái *đúng thật* – một cách chính xác, ý niệm là cái hiện thực đúng thật mà sự hiện hữu hay tồn tại của ý niệm không nằm bên ngoài ý niệm mà chính là bản chất của ý niệm, như vậy hợp lý tính và hiện thực là một. Lịch sử có muôn vàn *khái niệm* (concept) và mỗi khái niệm có sự tồn tại nhất định và có sự tự ý thức thuần túy nhưng sự hiện thực hóa khái niệm thông qua con người, nhờ con người mà khái niệm bước vào diễn đàn thế giới, đây là cách mà Hegel gọi là *mẹo lừa lý tính*. Vô vàn hình thái của khái niệm có những cái chưa đúng thật làm nảy sinh *moment quy tâm* hút khái niệm về cái đúng thật – cái thích đáng (Hegel & Bùi, 1970, p. 10). Ghi chú: *moment* là thuộc tính và cũng là động lực. Tính đúng thật xác lập sự bất phân ly giữa khái niệm và sự hiện hữu của nó, khi đó khái niệm đúng thật được gọi là ý niệm (idea). Ý niệm là khái niệm đúng thật, là khái niệm thích đáng, hay nói cách khác, ý niệm là cái đúng thật *tự-mình* và *cho-mình*, là sự thống nhất tuyệt đối giữa khái niệm và hiện hữu (Hegel & Bùi, 1970, p. 110). Điều này không khác bao nhiêu so với việc con người tạo ra ý niệm cũng như ý niệm tạo ra ý niệm, đó có thể là giới hạn của Hegel. Ý niệm trong chừng mực đạt tới sự hiện hữu, tức tự do không khác gì hơn cái tôi hay tự ý thức thuần túy và vì vậy, một câu hỏi đặt ra: sự *tự hiện thực hóa* của ý niệm qua con người là ý niệm chủ động hay con người chủ động? Hegel còn vướng mắc giữa ý niệm và vật chất nền, hình dung mô phỏng toàn bộ thế giới vật chất bằng ý niệm, đây là điểm mấu chốt mà các nhà duy vật phản bác. Vấn đề này chỉ được giải tỏa khi với ngữ nghĩa ý niệm của Hegel thì con người cũng là ý niệm nhưng thiếu vắng đối tượng quan sát bên ngoài nên ý niệm “con người” tư biện rằng nó là khái niệm/ý niệm thích đáng, cũng như ý niệm con người tự hiện thực hóa thông qua chính mình hoặc tha nhân cũng là con người, với lưu ý, *tinh thần khách quan* không phải đối tượng quan sát mà là cơ sở của thích đáng, là môi trường của thích đáng. Sự tự-mình và cho-mình của ý niệm được “nhận ra” bởi con người nhưng Hegel phớt lờ đối tượng quan sát trừ phi rằng ý niệm và *ý niệm phái sinh* đều hiện hữu thích đáng và có những ý niệm mà Hegel đề cập là ý niệm phái sinh của con người. Vậy thế nào là sự tư biện của ý niệm phái sinh? Phải kể đến mẹo lừa lý tính, ý niệm phái sinh cũng tự hiện thực hóa qua con người, bởi chính người tạo ra cũng như người tiếp nhận. Câu hỏi tiếp theo: vậy ý niệm có thể tự hiện thực hóa qua phễu lọc ý niệm khác mà ý niệm khác không phải là ý niệm con người hay không? Câu hỏi này cực kỳ mơ hồ đến gần như phi lý trừ phi thừa nhận rằng cái gì cũng đúng thật/thật đúng và không có gì đúng thật/thật đúng, lại gần như mâu thuẫn với tính thích đáng của ý niệm của Hegel. Do đó phải chăng không cần đến tính thích đáng của ý niệm? Lưu ý, câu hỏi “làm sao để biết cái tự-mình và cho-mình” truy hồi lẩn quẩn nhưng đã đưa ra vấn đề đối tượng quan sát vừa được đề cập.

Trở lại luận đề của Hegel “cái gì hợp lý tính là hiện thực và cái gì hiện thực thì hợp lý tính”, trong vế thứ nhất “cái gì hợp lý tính là hiện thực”, Hegel muốn đề cập đến tinh thần khách quan chứa/là lý tính siêu việt chứ không phải lý tính con người, theo đó lý tính thể hiện ở ý niệm đúng thật (ý niệm thích đáng) và không có gì hiện thực hơn ý niệm đúng thật và ý niệm đúng thật tự hiện thực hóa qua cái gọi là mẹo lừa lý tính khi mà ý niệm có sức mạnh sử dụng tha nhân thông qua những động lực của tha nhân để tự hiện thực hóa chính mình – dường như Hegel cho rằng chính ý niệm mới là kẻ chủ động, điều này lại càng khẳng định tinh thần khách quan là lý tính siêu việt và tất nhiên tinh thần khách quan hiện hữu trường tồn. Như vậy mẹo lừa lý tính này dẫn đến lập luận rằng chân lý tức những ý niệm “được” con người tái phát kiến các nguyên lý uyên nguyên (chân lý tự hiện thực hóa) nhưng tôi cũng đã phân tích trong những nghiên cứu trước rằng sự tái phát kiến này chưa hẳn đúng vì có vô hạn những nguyên lý/ý niệm uyên nguyên. Trong vế thứ hai “cái gì hiện thực thì hợp lý tính”, Hegel muốn đề cập đến hiện thực đúng thật chứ không phải bất kỳ hiện thực nào mà ta biết/thấy/cảm nhận và hiện thực đúng thật là hiện thực trùng khớp với khái niệm, bất kỳ hiện thực nào chưa trùng khớp với hiện thực sẽ được moment quy tâm hút về hiện thực đúng thật. Suy cho cùng sự thích đáng hay đúng thật là mấu chốt trong luận đề “cái gì hợp lý tính là hiện thực và cái gì hiện thực thì hợp lý tính” khi mà hợp lý tính và hiện thực ở cả hai vế của luận đề phải đúng thật (*thích đáng*). Song sự gấp rút đòi hỏi về tính thích đáng/đúng thật khiến Hegel bị giằng co bởi “sức mạnh muốn trở thành hiện thực của lý tính và yêu sách muốn được xem là lý tính của hiện thực” (Hegel & Bùi, 1970, p. 107) vì cả hai “hợp lý tính” và “hiện thực” buộc nhau bằng sợi dây thích đáng. Tinh thần khách quan đương nhiên thích đáng nhưng mẹo lừa lý tính buộc phải thông qua đam mê và động lực của tha nhân (mẹo lừa lý tính là “phương tiện” đạt đến thích đáng, có thể hiểu vậy), do đó nảy sinh vấn đề về khả năng sai lầm trong hợp lý tính của con người tức khả năng sai lầm hoặc thiếu sót của con người khi tư biện (kiểm định). Mặc dù sự tư biện của con người có thể được tinh luyện qua nhiều bước thậm chí đến vô hạn bước nhưng trong một bước hữu hạn nào đó, có thể không hẳn như hiện thực đúng thật của ý niệm nghĩa là con người có thể chưa thể biết hiện thực đúng thật của ý niệm cho dù biết ý niệm vì cái biết ý niệm lại là một ý niệm phái sinh mà con người đối sánh / đặt tương quan trong nhận thức. Do đó tôi muốn đề xuất rằng nếu giả sử xuất hiện sai lầm (có thể trong tương lai) của một ý niệm phái sinh thì ý niệm ấy vẫn hiện hữu như hiện thực nên ý niệm không nên phụ thuộc vào tính thích đáng hoặc giả, thích đáng là đúng với cái đúng lẫn cái sai. Vì vậy thuyết nhị nguyên cần tránh để tránh vòng lặp vô tận, hoặc nói theo triết học thực dụng “chân lý là cách lý giải hiện thực có hiệu quả nhất đối với ta” (Wikipedia, 2007) hoặc hiện tượng học của triết học hiện sinh “đối tượng bao giờ cũng là đối tượng cho một ý thức, tồn tại đồng hành với ý thức” (Wikipedia, 2007) để tính thích đáng của cả ý niệm và hiện thực là sự không tách rời giữa ý niệm và hiện thực. Tinh thần khách quan luôn xác lập sự thích đáng nhưng nếu một người hay một ý niệm tạo ra một ý niệm phái sinh thì sự khẳng định thiết lập thích đáng vì ngầm định sự không tách rời giữa ý niệm và hiện thực khi mà ý niệm nguồn là (bao bọc bởi) tinh thần khách quan đối với ý niệm phái sinh. Rốt cuộc tôi cố gắng một lần nữa chứng minh rằng ý thức và vật chất là một, hay nói chiết trung rằng ranh giới giữa vật chất và ý thức đang nhòa dần với lưu ý rằng từ “vật chất” có thể gây ra lầm lẫn nên triết học phân tích (Ludwig Wittgenstein) lưu tâm đến phân tích ngôn ngữ (Wikipedia, 2007). Tôi cũng đề cập đến giả tướng của ngôn từ trong một nghiên cứu khác (Nguyen, Tàng thức và phân tâm học, 2020), (Nguyen, Trí tuệ luận, 2023). Tuy nhiên bài nghiên cứu này giả định về sự đúng thật/thích đáng của ý niệm pháp quyền trong triết học pháp quyền với giả định cơ bản hơn: tinh thần khách quan (Hegel & Bùi, 1970, p. 104) làm môi trường sao cho moment quy tâm giữ ý niệm pháp quyền trong trung tâm “đúng thật”, cũng như sao cho pháp quyền thực định với hệ thống luật nhà nước là cách lý giải hiện thực có hiệu quả nhất trong triết học pháp quyền, nói theo triết học thực dụng. Nếu tham chiếu với triết học thực dụng thì hợp lý tính có thể được hiểu là tính hữu dụng.

Trở lại vấn đề tôi vừa đề cập rằng con người hình thành ý niệm phái sinh từ việc đặt đối sánh / đặt tương quan giữa hiện thực và nội tâm mà tôi gọi là đặt ánh xạ – một thuật ngữ toán học. Việc đặt ánh xạ này đi sau rất nhiều tri thức/tri nhận và có điểm cuối cùng là phản ứng sinh hóa trong nội tại một người, mà đã là phản ứng sinh hóa thì tạo ra sản phẩm nên ý niệm phái sinh của từng người cũng là hiện thực. Nhìn theo một cách khác không đề cập đến phản ứng sinh hóa nhưng tương hợp, đó là ý thức hình thành từ sự *giao thoa* (tương giao) giữa hai thực thể mà mỗi thực thể đều *tái sinh*, tất cả đều là ý thức – ý niệm, từ sự giao thoa này sản sinh vô số ý niệm khác ngoài hai cái tạm gọi là chủ thể (cũng là hai ý niệm) (Nguyen, Tàng thức và phân tâm học, 2020). Sự giao thoa này cũng nảy sinh giữa con người và ý niệm và con người cũng là ý niệm theo học thuyết ý niệm.

Nhắc lại triết học pháp quyền nghiên cứu *ý niệm pháp quyền* đúng thật làm tham chiếu cho pháp quyền thực định. Nói cách khác, ý niệm pháp quyền là *pháp quyền lý tính* (rational right/law) thể hiện lý trí (reason) và ý lực/ý chí tự do (free will) của con người trong sự phát triển lịch sử và xã hội loài người. Pháp quyền lý tính tiếp theo là cơ sở hình thành *pháp quyền thực định* (positives right/law) hay pháp quyền nhà nước (state right/law) tức hệ thống luật pháp quản trị nhà nước và xã hội. *Ý lực* (free will) luôn hướng đến *tự do* (freedom) nên ý lực và tự do là hai mặt một đồng tiền hay nói cách khác, ý lực là chủ thể của tự do (Hegel & Bùi, 1970, p. 131) và tự do là khát vọng của ý lực và ta có thể mở rộng rằng ý lực cũng là biện minh cho tồn tại. Hegel (Hegel & Bùi, 1970, p. 130) cho rằng pháp quyền nhà nước là vương quốc của sự tự do đã được hiện thực hóa, vậy đương nhiên pháp quyền nhà nước được hình thành bởi ý lực, trở lại với ý lực là biện minh tồn tại của ý niệm (idea), ví dụ, cái cây có ý lực sinh tồn nên nảy ra ý lực hướng đến ánh nắng để tổng hợp chất hữu cơ với diệp lục tố. Ý lực (free will) là mong muốn là sức mạnh tự hiện thực hóa như nghiệp lực trong Phật học nên diễn giải chính xác mẹo lừa lý tính là ý niệm tự hiện thực hóa, *tự ý thức*, tự-mình và cho-mình thông qua động lực tha nhân nhưng tha nhân chủ động tư biện, suy nghiệm, quan sát ý niệm, cô lập ý niệm với thế giới để phát biểu ý niệm đó (ý niệm đó tự hiện thực hóa) thực chất là sự bắt gặp của ý lực của ý niệm biện minh về sự tồn tại của chính mình trong muôn vàn vô tình nhưng có chủ ý để đụng độ (giao thoa) với ý lực của tha nhân và biện minh của ý lực của tha nhân là sự tư duy như là hiện tồn của chính tha nhân đó. Ghi chú: *hiện tồn* là tồn-tại hiện-có – Dasein theo tiếng Đức. Vì vậy sơ hở nếu có của mẹo lừa lý tính là không đề cập đến sự bắt gặp có chủ ý trong muôn ngàn vô tình bị thúc đẩy bởi ý lực mà ý lực của ý niệm và ý lực của tha nhân đều là biện minh của sự tồn tại bằng tự hiện thực hóa và sự tồn tại này là cộng sinh. Như vậy có thể suy ra rằng thế giới của ý niệm pháp quyền quy định bởi liên kết với vô vàn liên kết vì ý lực của ý niệm pháp quyền bị chi phối bởi vô vàn liên kết cộng sinh. Ý niệm và ý lực hòa nhau thành một, ý lực là *biện minh tồn tại* của ý niệm và một khi ý niệm có mục đích thì mục đích ấy chuyển hóa thành ý lực nên sẽ không dẫn đến mâu thuẫn về ý lực của ý niệm phái sinh, nhưng hãy lưu ý rằng biện minh tồn tại của một ý niệm sẽ cộng sinh (có thể hiểu là phụ thuộc) với biện minh tồn tại của vô số ý niệm khác.

Khi chúng ta gồm nhiều người bắt gặp một cái cây tại điểm A, gọi là cây A, thì mỗi người đều phát sinh ý niệm phái sinh tích hợp vào bản thân về cây A của riêng họ, cũng như ý niệm cây (tổng quát) đã tự hiện thực hóa thông qua từng bản sao ở từng người (biểu hiện lên) và ý niệm cây này tạm là ý niệm tổng quát không thể biết nhưng hiện thực hóa nó là cây A ở địa điểm A, cây B ở địa điểm B, hay cây C ở địa điểm C bởi chúng ta, và hơn nữa mỗi người đều nhìn nhận từng cây A, B, C khác nhau một ít nhưng cơ bản giống nhau nhiều hơn. Nếu ý niệm về cái cây “xuất hiện” trong suy nghĩ của mỗi người trước khi gặp cây A, cây B, cây C thì cũng là do sự giao thoa “trước đó” và “ở đâu đó” với những cái cây khác và tri thức khác, mỗi lần gặp lại là mỗi lần tái sinh (Nguyen, Tàng thức và phân tâm học, 2020). Ý niệm của Platon là cái không thể biết, ý niệm tổng quát vốn không thể biết (không tồn tại) nếu không có sự giao thoa – tự hiện thực hóa, “vật chất” gì có ý niệm gì là cái không thể biết, thế giới là cái không thể biết, tách vật chất khỏi ý niệm là không thể, nghĩa là vật chất và ý thức là nhị nguyên tạm thời để diễn giải thế giới. Mỗi người / mỗi ý niệm đều “là”, “sống trong” hay “ảo tưởng trong” bản sao thế giới của riêng mình mà mỗi bản sao này không thật mà cũng thật, đó là những *bong bóng* (Nguyen, Tàng thức và phân tâm học, 2020). *Ý niệm là ngôn từ tạm gọi*, không khác với vật chất và chẳng khác với ý thức. Hegel nghiêng về ý niệm tổng quát, ý niệm trừu tượng trong biện chứng lịch sử xã hội khi mà lịch sử & xã hội là thế giới tự nhiên thứ hai tạo bởi tinh thần, dường như sẽ không gặp bất cứ vấn đề nào, một công thức hay một tiên đề vốn không dễ thay đổi và nếu thay đổi thì chỉ mỗi một, nhưng nếu đặt ngoài vòng xã hội nhưng trong vòng thế giới tự nhiên thì tạo ra chỗ hổng để những nhà duy vật phản bác một cách hợp lý. Ví dụ cái cây “xuất hiện ngẫu nhiên” ở các địa điểm A, B, C giả sử giống nhau nhưng sau khi tỉa một chiếc lá của cây A thì cây A sẽ khác với cây B và cây C mặc dù cây A vẫn là cái cây ở địa điểm A, nhưng tiên đề “pháp quyền lý tính thể hiện lý trí và ý lực của con người” xuất hiện có một. Tuy nhiên vẫn xảy ra lầm lẫn nếu bất cẩn, cây A bị tỉa lá đã tự hiện thực hóa (tái sinh lần nữa) bởi người tỉa, người bắt gặp sau khi tỉa, hay một cơn gió thổi qua sau khi tỉa, và hơn nữa tiên đề “pháp quyền lý tính thể hiện lý trí và ý lực của con người” xuất hiện khác nhau tại/ở/trong suy nghĩ của từng người (địa điểm vẫn khác nhau).

Cây A (biện minh tồn tại A) mà ta thấy tại địa điểm cụ thể thời gian cụ thể là kết quả tự hiện thực hóa với vô số biện minh tồn tại khác gồm cả ta nên ta cho cây A là “thật” nhập vào bong bóng ta nhưng bong bóng cây A không tồn tại đối với ta, vì không có khái niệm bong bóng cây A đối với ta cũng như ta không biết khái niệm bong bóng cây A. Nảy sinh một nghịch lý: ta không biết cây A vì ta không thể biết bong bóng A nhưng ta rõ ràng cảm nhận được cây A hiểu được cây A vì ta là cái bong bóng và ta là thế giới. Một cách tương ứng, cây A cũng lập luận như ta vừa lập luận với giả sử cây A có thật vì ta cũng luôn cho rằng ta có thật bằng ý lực biện minh tồn tại chính mình nên cây A cũng tự cho nó là có thật. Cây A đối với ta là kết quả một cuộc gặp, cuộc giao thoa có chủ ý với ý lực của ta và vô số (ý niệm) gì đó theo một cách không bao giờ trùng lập trong muôn ngàn ngẫu nhiên chứ không phải là thực thể A như cách ta thường nghĩ và thực thể A được Hegel lý giải bởi sự tự hiện thực hóa của cây A qua ta và là ý niệm A (cây A) lọt vào bong bóng ta, ngay trong khoảnh khắc đó, là cây A. Do đó hãy giả sử những ý niệm hiện tồn ngoài ta và sự tồn tại của chúng được giả định để tìm hiểu thế giới và trong bài nghiên cứu này. Quy ước trong bài nghiên cứu này, giả định này tạo ra *tha nhân*. Ta góp phần tạo ra cây A tương đương với cây A tự hiện thực hóa qua vô số ý niệm gồm cả ta tương đương với ta giao thoa với cây A và vô vàn ý niệm để cả hai tái sinh và tạo ra vô số ý niệm khác, nên tự hiện thực hóa bởi mẹo lừa lý tính của Hegel là một cách lý giải. Giả sử cây A rụng một chiếc lá trước khi gặp ta và sau đó ta đương nhiên gặp cây A không có chiếc lá đã rụng, vậy có phải ta đã không tạo ra cây A lúc cây A rụng lá? Nhầm lẫn này được giải thích bởi hai nguyên do sau: 1) “gặp” là khái niệm tương đối vì bong bóng ta là thế giới có nhận thức bao trùm thế giới nhưng ta không cảm nhận hết, 2) cây A tái sinh liên tục và cây A ta gặp sau khi rụng lá không phải là cây A trước đó và ta không cần biết cây A lúc rụng lá, lúc chưa rụng lá. Cây A tái sinh liên tục, khác nhau liên tục nhưng tại sao ý niệm A vẫn có tên A? Có thể là tập thuộc tính được ánh xạ của A chưa thay đổi đủ nhiều đối với ta hoặc giả vấn đề này có thể liên quan đến tính không thật của thời gian, cây A xuất hiện muôn hình muôn vẻ trong cùng một “lúc”, chưa thể được đề cập trong bài nghiên cứu này. Trong trường hợp ta sáng tạo một tiên đề trừu tượng B cho dù kế thừa muôn ngàn tri thức nhưng B vẫn là kiến thức mới, ta nghĩ rằng B không có trước đó nên sự tự hiện thực hóa là sai với giả định không có sự tìm lại ý niệm uyên nguyên nhưng vấn đề mấu chốt là ta không thể biết bong bóng B nên vẫn có sự giao thoa giữa B và ta với B là cái giả định, Hegel ám chỉ vấn đề này với vòng tròn thiết định sẽ được đề cập sau. Trong toán học, một điều hư vô (điều sai) có thể dẫn đến điều đúng và phép suy diễn có nguồn gốc hư vô luôn đúng. Tuy nhiên, luận giải cách khác dường như hợp lý hơn, B là kết quả của sự giao thoa của ta và ý niệm ngay trước B (ta cũng có thể không biết được cái trước B) cùng vô số ý niệm khác nhưng lập luận này khẳng định cái thật nhưng không củng cố khẳng định cái không thật. Người đọc đến đây cảm nhận rằng, một cách đơn giản, không biết dường như không tồn tại nhưng cái không biết đó vẫn không thật vì cảm thụ của ta trong bong bóng ta đã rời rạc và bị giới hạn rất nhiều cho dù bong bóng ta là cả thế giới, một cách đơn giản nữa, *chỉ có ta bằng ý lực biện minh tồn tại cho chính ta biến chuyển thành biện minh tồn tại cho vô số ý niệm khác nhưng bong bóng ý niệm khác không thể biết (không tồn tại) đối với ta*. Mỗi người có rất nhiều tế bào, nguyên tử, hạt quark và mỗi chúng đều là cái ta (ngã).

Nhìn chung, ý niệm giao thoa với vô số ý niệm khác, cũng là sự tái sinh liên tục và tương hợp với thuyết tính không Phật học nhưng thuyết tính không vẫn cho rằng pháp tuy vô thường vô ngã nhưng có sắc tướng (có thật) nhưng sự có thật này cũng không thật. Những hiện tượng hằng ngày chúng ta cảm thấy yên bình thật ra biến động kinh khủng một cách *liên tục* và bong bóng thụ cảm *rời rạc hóa* cho dù với bất cứ phương tiện quan sát tinh vi nào với lượng tri thức tri nhận lớn đến mức độ nào. Ý niệm có vô số bản sao, vô vàn ý niệm phái sinh, và tất cả đều là ý niệm. Vì vậy cần đột phá bởi giao thoa ý niệm, ý niệm phái sinh, biến đổi ý niệm, tái sinh ý niệm, tự hiện thực hóa và các phát kiến vật lý học về hiện tượng phụ thuộc vào quan sát của con người cũng như thế giới hạ nguyên tử bất định với những hạt quark, để tiến đến hợp nhất vật chất và ý thức.

Hegel (Hegel & Bùi, 1970, p. 113) cho rằng ý niệm với tư cách là đối tượng triết học là “vòng tròn khép kín chính mình, trong đó cái đầu tiên là cái cuối cùng và cái cuối cùng là cái đầu tiên, không có cái bắt đầu nguyên thủy nhất nên cái bắt đầu là cái tiền thiết định vì bất cứ điểm nào trên vòng tròn đó đều có thể thiết định như là cái bắt đầu; cái bắt đầu thiết định ấy là cái cuối cùng trước đó tất nhiên là kết quả của mục đích trước đó lại là kết quả của sự tự hiện thực hóa của ý niệm, hay chính là ý niệm”. Nguyên nhân của lập luận *vòng tròn tiền thiết định* là thế giới vốn nhất nguyên, ý niệm là hiện tượng nổi lên đồng nhất với chu trình khép kín mà thế giới cũng như vậy, nói theo Hegel (Hegel & Bùi, 1970, p. 113), “cái đúng thật là sự trở thành chính nó”. Từ vòng tròn thiết định, Hegel diễn giải lại rằng (Hegel & Bùi, 1970, p. 135) “ai cũng có thể phát hiện trong chính mình một năng lực trừu tượng hóa khỏi mọi thứ, tự quy định chính mình, tự mình thiết lập bất cứ nội dung nào ở trong chính mình”. Ở đây Hegel ám chỉ ý lực như là biện minh tồn tại để cái hiện tồn (ý niệm) có được tự do tự hiện thực hóa chính mình. Hãy lưu ý điểm này, ý lực là tự do, biện minh tồn tại là tự do vì ý lực là biện minh tồn tại, trở lại với phát biểu: mỗi ý niệm đều “là”, “sống trong” hay “ảo tưởng trong” bản sao thế giới của riêng mình mà mỗi bản sao này không thật mà cũng thật, đó là những bong bóng (Nguyen, Tàng thức và phân tâm học, 2020). Ý lực đối với con người là ý chí và tư duy là phương tiện để ý chí bảo đảm hiện tồn, nói cách khác tư duy là phương tiện của biện minh tồn tại nhưng thật thú vị là phương tiện cũng là mục đích vì ý chí không tách rời khỏi ý niệm và vòng tròn thiết định hay bong bóng quay trở lại tự hiện thực hóa bằng phương tiện là chính mình (qua tha nhân) và tự hiện thực hóa là chính mình tự biểu lộ mục đích (biện minh tồn tại). Phần sau bàn về ý chí tự do – dẫn xuất của pháp quyền trừu tượng Hegel.

**Ý chí tự do**

Nhắc lại triết học pháp quyền nghiên cứu ý niệm pháp quyền đúng thật làm tham chiếu cho pháp quyền thực định và ý niệm pháp quyền có *ý chí tự do* (free will) làm biện minh tồn tại với lưu ý, ý chí là tự do, biện minh tồn tại là tự do vì ý chí là biện minh tồn tại. Ý chí tự do là hợp nhất của ý chí và tự do vì chúng là hai mặt của đồng tiền mà lõi là biện minh tồn tại. Phần này tập trung vào những luận điểm của Hegel về pháp quyền trừu tượng, xem như tạm gác lại trọng tâm học thuyết ý niệm: vật chất là ý thức.

Ý chí lấy tư duy làm phương tiện tự ý thức hay chính ý chí có khả năng tự ý thức hoạt động bởi hai moment: *phổ quát* và *đặc thù* (Hegel & Bùi, 1970, p. 143). Với *moment phổ quát* còn được gọi là moment trừu tượng, ý chí vượt lên trên tất cả, thoát khỏi mọi ràng buộc, trừu tượng hóa mọi thứ (Hegel & Bùi, 1970, p. 138) nhằm thể hiện sự độc tôn của mình hay tự định nghĩa mình như là sự độc tôn, đó là sự tự-mình của ý niệm trong tự do cho biện minh tồn tại. Nói ngắn gọn, moment phổ quát là sự *tự định nghĩa*. Ý chí qua moment trừu tượng phải thải hồi khác biệt nội dung và hình thức mới đạt ý chí vô hạn hay trí tuệ vô hạn (Hegel & Bùi, 1970, p. 154). Sự tự do của ý chí con người vô hạn trong khi trí tuệ con người hữu hạn, giới hạn của Hegel ở đây vì trí tuệ con người nếu xét như bong bóng ý niệm là vô hạn nhưng lại bị khống chế trong hữu hạn nên Hegel mới phát biểu ý chí cần thải hồi khác biệt nội dung và hình thức hay lý tính tự quyết định lấy sự hữu hạn của mình (Hegel & Bùi, 1970, p. 155).

Tuy nhiên ý chí phải tự giới hạn mới có khả năng ra quyết định vì ra quyết định là tự quyết định lấy sự hữu hạn của mình (Hegel & Bùi, 1970, p. 155), ra quyết định là từ bỏ sự vô hạn, đó là sự ô nhiễm nhưng ô nhiễm cần thiết biểu thị cái trừu tượng của biện minh tồn tại, nghĩa là sự tự giới hạn ngược lại với moment phổ quát (trừu tượng) lại nhằm củng cố sự tồn tại của sự tự-mình độc tôn bởi trừu tượng hóa nên lập luận biện chứng này làm moment thứ hai của ý chí – *moment đặc thù* hiện ra. Moment đặc thù mô tả ý niệm như một tập thuộc tính và để ý chí thực hiện mục đích của mình bằng phương tiện tư duy qua hai hình thức (Hegel & Bùi, 1970, p. 149): 1) mục đích chủ quan hay bên trong của ý chí được hiện thực hóa trong hình thức là hành vi của ý chí và 2) mục đích này cũng được hiện thực hóa khi ý chí phiên dịch cái chủ quan thành tính khách quan, với lưu ý rằng mục đích của ý chí là nội dung của ý chí. Do vậy moment đặc thù hoàn thành ý nguyện của ý chí hay thực hiện nội dung của ý chí, cũng là một thể hiện của biện minh tồn tại của ý chí và riêng cho ý chí, nên moment đặc thù thể hiện sự cho-mình của ý chí. Khi ý chí tự-mình thì nó chỉ mới tương ứng với khái niệm trừu tượng hóa mọi ràng buộc để tự định nghĩa, khi ý chí có thêm sự cho-mình thì nó mới có khả năng phân biệt với tha nhân để ý chí vẫn đứng trong chủ quan nhưng lại khách quan tự quan sát được chính mình. Nói cách khác, khi ý chí có sự cho-mình, nó mới có đối tượng là chính nó (Hegel & Bùi, 1970, p. 151), (Hegel & Bùi, 1970, p. 166) nên sự cho-mình hay moment đặc dị quan trọng để ý chí có khả năng phản tư (reflection) hay tự ý thức (self-consciousness). Nói ngắn gọn, moment đặc thù là sự *phản tư* – tự ý thức, mô tả mình và phân biệt/nhận ra tha nhân. Kết quả hiển nhiên là hợp lý tính của ý niệm phải có đủ hai moment phổ quát và đặc thù vì hợp lý tính phải có đủ hai bản sắc tự-mình và cho-mình. Về vấn đề ý chí phiên dịch cái chủ quan thành tính khách quan qua các hoạt động trung giới của tư duy, Hegel giải thích rằng “hoạt động của ý chí bao gồm việc vượt bỏ sự mâu thuẫn giữa tính chủ quan và khách quan và phiên dịch những mục đích (nội dung) của nó từ quy định chủ quan thành quy định khách quan đồng thời vẫn ở yên nơi chính mình trong tính khách quan cũng như chủ quan” (Hegel & Bùi, 1970, p. 174). Việc ý chí phiên dịch mục đích chủ quan thành tính khách quan chính thể hiện giao thoa ý niệm, chỉ có ta bằng ý lực biện minh tồn tại cho chính ta biến chuyển thành biện minh tồn tại cho vô số ý niệm khác. Diễn giải lại học thuyết ý niệm một cách đơn giản, “ý niệm cái cây” mà mà ta “hình dung”, “nêu thành khái niệm” trong suy nghĩ cũng là “cái cây bên ngoài” nếu nó đúng thật, hợp lý tính, đối với ta, trong biện minh tồn tại của ta, trong bong bóng ta (nên cũng chính là ta), chứ không phải cả hai “cái cây” khác nhau. Hơn nữa “ý niệm cái cây” này cũng có vô số ý niệm phái sinh (cũng chính là ta). “Cái cây bên ngoài” không phải là “cái cây thực” vì “cái cây thực” không tồn tại với ta do ta không biết & không thể biết “bong bóng cây” (bong bóng cây mới là cái cây thực). Ghi chú: ta thấy “cái cây bên ngoài” ở một ví trí cố định nhưng bong bóng cây ở đâu đó có thể nơi nào khác (vẫn không làm ảnh hưởng đến sự giao thoa do bong bóng ta) nhưng trạng thái “ở” cũng giả định vì ta không biết bong bóng cây nên cũng không thể khẳng định gán ghép động từ “ở” vào bong bóng cây. Ta lầm tưởng về tính thực của “cái cây bên ngoài” do cảm nhận giác quan (sờ, nắn, nhìn, phương tiện hỗ trợ), tri nhận rất nhiều tri thức và cơ địa bí ẩn của loài người trong sự giao thoa ý niệm một cách *liên tục* và *ngẫu nhiên có ý lực* (tất cả ý niệm gồm cả ta khi giao thoa đều tái sinh, *tái sinh liên tục*). Với lập luận này, tri thức luận (epistemology) nghiên cứu về quá trình nhận thức như là cách biểu đạt của con người và cách biểu đạt này như là một sự tinh luyện vì cái cây đã tự hiện thực hóa qua biện minh tồn tại của ta khi có giao thoa mà nếu như chính ta chưa cảm nhận được khi cái cây là khái niệm phức tạp thì sự tồn tại hay xuất hiện của nó trong bong bóng ta cực kỳ mờ nhạt tiến gần đến 0 nhưng chưa phải 0, cùng lúc với sự ngẫu nhiên. Vì vậy, tất cả mọi thứ đều có trong bong bóng ta nhưng rất nhiều trong chúng tồn tại một cách mờ nhạt gần như không tồn tại nhưng không phải là không tồn tại. Nếu như một đồ vật do ta tạo ra một cách vật lý thì sự chế tạo này là kết tinh đậm đặc của giao thoa ý niệm (và vô số ý niệm) trong tiến trình liên tục ngẫu nhiên có ý chí nhưng chính ta – người tạo tác cũng không thể biết bong bóng đồ vật này. Ta cũng chưa thể biết bong bóng ta nhưng điểm mấu chốt là ta có thể tự ý thức về sự tồn tại của mình, đó chính là biện minh tồn tại hay ý chí tự do; may mắn ở đây là chưa thể biết không đồng nghĩa với không tồn tại vì ta đang ở trong chính ta. Ta hiểu có mức rõ hơn việc ta “tạo ra” tiên đề suy tưởng nhưng ta chưa hiểu rõ ta “tạo ra” cái cây (ý niệm cây) qua giao thoa cũng như tư biện, sau luận giải này, ta có thể tự ý thức mơ hồ việc sáng tạo này nhưng hiểu rõ sáng tạo vượt rất xa tự ý thức mơ hồ về sáng tạo. Vậy nếu như hiểu rõ việc sáng tạo cái cây tự nhiên tương đương biết bong bóng cây thì có thể tạo ra cái cây tự nhiên (bong bóng cây), có thể đó là Chúa Trời hay Thượng Đế, nhưng đó cũng là sự bất khả tri. Duy nhất một điều cần khẳng định, ta thậm chí chưa thể biết bong bóng ta nhưng ta có thể tự ý thức về sự tồn tại của mình vì ta đang ở trong chính ta.

Nhìn chung, ý chí là tự do hay tồn tại trong kết hợp “ý chí tự do” khi và chỉ khi có đủ hai moment phổ quát và đặc thù vì hợp lý tính là sự tự-mình và cho-mình và ý niệm chỉ đúng thật khi nó hợp lý tính nên ý chí tự do chỉ đúng thật khi nó hiện tồn tự-mình và cho-mình như là ý niệm đúng thật. Kết quả hội tụ của hai moment này thể hiện hợp lý tính, là sự đồng nhất của cái đồng nhất và không đồng nhất. Diễn giải cụ thể hơn, *hợp lý tính* là sự đồng nhất của cái đồng nhất (*tính phổ quát*, tự-mình) và cái không đồng nhất (*tính đặc thù*, cho-mình). Hegel phát biểu “chính tự ý thức thông qua tư duy, lĩnh hội chính mình như bản chất, qua đó giải thoát mình khỏi cái không đúng thật, mới tạo nên nguyên lý của pháp quyền, luân lý và trật tự” (Hegel & Bùi, 1970, p. 166) với lưu ý, tư duy là phương tiện của ý chí để ý niệm tự ý thức và ý chí là biện minh tồn tại của ý niệm. Tất nhiên tự do không tách rời ý chí nên tự do không phải muốn làm gì thì làm, ta cần phân tích tự do của ý chí không phải là tự do tùy tiện với nội hàm hợp lý tính của ý chí tự do như là biện minh tồn tại của ý niệm. Với moment đặc thù của ý chí, tự do tùy tiện hẳn nhiên hướng đến những thuộc tính tiêu biểu của cái tôi (ý niệm) với cơ chế phản tư đậm nét càng rời xa tính phổ quát của cái tôi, khi rời xa đến mức moment phổ quát không thể kéo lại thì tự do tùy tiện biến cái tôi thành cái hỗn nham thì ý niệm (cái tôi) không còn có thể tự định nghĩa mình và đương nhiên biện minh tồn tại không tồn tại thì ý niệm không tồn tại, hoặc giả ít nhất hợp lý tính không còn thì ý niệm cũng không đúng thật. Hegel khẳng định (Hegel & Bùi, 1970, p. 175) “*pháp quyền là bất kỳ cái tồn-tại hiện-có nào của ý chí tự do nên pháp quyền là sự tự do với tư cách ý niệm*”. Định nghĩa pháp quyền của Hegel khác với định nghĩa của Kant “*sự tự do lựa chọn của tôi sao cho có thể cùng tồn tại với sự tự do lựa chọn của người khác*”. Hegel phê phán pháp quyền của Kant (Hegel & Bùi, 1970, p. 176) dựa trên tự do đặc thù và tự do đặc thù là tự do tùy tiện thiếu tính phổ quát nên không hợp lý tính – không đúng thật, như vừa phân tích. Tuy nhiên về mặt thực hành, vấn đề là phải tìm điểm giao của moment phổ quát và moment đặc thù cấu thành ý niệm pháp quyền đúng thật, hợp lý tính, tự-mình và cho-mình sao cho cân bằng giữa cái tôi trừu tượng bao dung và cái tôi cụ thể vị kỷ, thế nên giao điểm này có thể dẫn nhập suy diễn đến định nghĩa pháp quyền Kant “sự tự do lựa chọn của tôi sao cho có thể cùng tồn tại với sự tự do lựa chọn của người khác”, hơn nữa pháp quyền Hegel có vẻ thần bí nhưng liệu có thần bí hay không và nếu thần bí thì thần bí như thế nào, ta hãy tìm hiểu sâu hơn.

Pháp quyền là ý chí tự do với tư cách ý niệm – ý niệm pháp quyền nên sự tự do của nó sống động như thực thể tự nhiên, chính vì lẽ đó Hegel (Hegel & Bùi, 1970, pp. 176-177) cho rằng pháp quyền thiêng liêng và sự tự do của nó là sự tự do tự giác và mỗi cấp độ phát triển của tự do (thuộc về ý niệm) có pháp quyền riêng biệt của mình. Sự thần bí nếu có ở đây là, (giả sử ta đã đồng nhất ý chí tự do vào pháp quyền và đồng nhất hai moment của ý chí như là sự đồng nhất giữa cái đồng nhất và không đồng nhất), nếu pháp quyền là ý niệm (cái hiện tồn), con người là ý niệm và lịch sử xã hội là ý niệm thì sự gán ghép con người vào pháp quyền, lịch sử xã hội vào pháp quyền là sự tái định nghĩa hay nhìn nhận theo mặt nào đó về con người cũng như về lịch sử để con người/lịch sử vẫn là pháp quyền, hay nói cách khác, bao đóng pháp quyền biến mọi thứ bên trong thành pháp quyền và dán nhãn “pháp quyền” lên để cho ý chí tự do luôn định nghĩa lên mọi pháp quyền (và mới có phân cấp pháp quyền theo mô hình tam giác ngược). Dưới nhãn quan pháp quyền, ý niệm pháp quyền là ý niệm con người/lịch sử nội hàm ý chí tự do, đến lượt ý chí tự do hẳn nhiên hợp lý tính tự-mình và cho-mình và chính hợp lý tính này là lẽ đúng thật của pháp quyền. Cũng vì lẽ đó, Hegel mới đề cập đến bao đóng tối cao, chính là tinh thần tuyệt đối (Hegel & Bùi, 1970, p. 177) hay tinh thần khách quan, nhưng để tránh mâu thuẫn với sự độc tôn của ý niệm, tinh thần khách quan là môi trường và là môi trường tưởng tượng cho mọi ý niệm vì theo học thuyết ý niệm ở đây, mỗi ý niệm là cả thế giới. Tuy nhiên, người đọc vui lòng tham khảo bài nghiên cứu “Tàng thức và phân tâm học” (Nguyen, Tàng thức và phân tâm học, 2020) để hiểu sự đồng nhất giữa cái toàn thể và cái bộ phận. Hegel không đề cập đến hay không đồng ý với sự độc tôn ý niệm hay mỗi ý niệm là cả thế giới nên rốt cuộc hướng về tinh thần khách quan hay tinh thần tuyệt đối vốn biểu thị hay ẩn nghĩa Chúa Trời. Lưu ý, ý niệm trong triết học pháp quyền Hegel luôn là ý niệm đúng thật.

**Pháp quyền trừu tượng**

Nhắc lại triết học pháp quyền nghiên cứu ý niệm pháp quyền đúng thật làm tham chiếu cho pháp quyền thực định và Hegel khẳng định (Hegel & Bùi, 1970, p. 175) “pháp quyền là bất kỳ cái tồn-tại hiện-có nào của ý chí tự do nên pháp quyền là sự tự do với tư cách ý niệm”, như vậy ý niệm pháp quyền với ý chí tự do đã định nghĩa hay dẫn xuất những nguyên lý của pháp quyền như thế nào?

Cũng cần nhắc lại rằng mọi ý niệm biện minh tồn tại với chính nó hay ý chí tự do của nó đều có thể gán nhãn pháp quyền để tự cấu thành với lăng kính ý niệm pháp quyền và mỗi ý niệm pháp quyền đều có cấp độ tự do, đó chính ẩn nghĩa trật tự và *trật tự* này được nhìn nhận rõ hơn với “bao đóng” tinh thần tuyệt đối, tinh thần khách quan hay pháp quyền tối cao. Hegel phát biểu rằng (Hegel & Bùi, 1970, pp. 176-177) “tính thiêng liêng của pháp quyền vì sự tồn tại của tinh thần tuyệt đối và những hình thức khác nhau của pháp quyền ra đời từ các cấp độ phát triển khác nhau của tự do”. Tất nhiên khi thải hồi sự khác biệt giữa nội dung và hình thức bởi moment phổ quát để ý niệm tự định nghĩa thì những hình thức pháp quyền chính là những ý niệm pháp quyền hay chính các pháp quyền quyền riêng biệt mà cũng suy từ lập luận Hegel, nếu đặt các pháp quyền riêng biệt này ngang hàng với nhau tuy chưa mâu thuẫn với moment đặc thù nhưng mâu thuẫn với moment phổ quát vì ý niệm với moment phổ quát sẽ tự tách rời nó khỏi mọi ý niệm khác (do trừu tượng hóa), phớt lờ hoặc không chấp nhận bản thể của ý niệm khác. Như vậy các pháp quyền phải phân cấp có đỉnh là tinh thần tuyệt đối hay nói cách khác, pháp quyền có trật tự hay trật tự là một cơ sở của pháp quyền trừu tượng. Hegel đề cập đến sự cần thiết của trật tự trong pháp quyền vì (Hegel & Bùi, 1970, p. 177) “luân lý và đạo đức có thể đi đến xung đột nếu đặt chúng ngang hàng nhau vì mỗi cái đều có pháp quyền riêng biệt với những hình thái khác nhau của tự do”. Nhắc lại, Hegel giải thích rằng “hoạt động của ý chí bao gồm việc vượt bỏ sự mâu thuẫn giữa tính chủ quan và khách quan và phiên dịch những mục đích (nội dung) của nó từ quy định chủ quan thành quy định khách quan đồng thời vẫn ở yên nơi chính mình trong tính khách quan cũng như chủ quan” (Hegel & Bùi, 1970, p. 174). Tính khách quan của ý chí tự do là hệ quả của moment đặc thù thể hiện sự cho-mình (phản tư) của ý niệm, để ý niệm phân biệt ta với tha nhân nhưng vẫn ở trong chính mình, rốt cuộc dẫn xuất những cảm nhận, những nhận định, những tư tưởng về tha nhân đối lập với chính mình nhưng liên hệ với mình. Hệ quả tiếp theo là tồn tại sự *liên kết* giữa các ý niệm với nhau và đến lượt sự liên kết này lại là một ý niệm hay ý niệm pháp quyền có trật tự với đỉnh tinh thần tuyệt đối. Hay nói cách khác, liên kết là một cơ sở khác của pháp quyền trừu tượng mà nó có thể diễn tiến thành luân lý hay đạo đức và thú vị hơn, trật tự và liên kết lại liên kết với nhau nên ta có thể khẳng định một *trật tự có liên kết* giữa các ý niệm là cơ sở của pháp quyền trừu tượng với lưu ý rằng cả hai moment phổ quát và đặc thù đều góp phần tạo ra trật tự có liên kết. Phương tiện tư duy của ý chí tự do mà cũng chính là ý chí tự do vì ý chí tự do lấy bản thân làm phương tiện tư duy, biểu hiện ở sự phân biệt, phép loại suy và phép biện chứng cũng thể hiện liên kết và trật tự. Mẹo lừa lý tính cũng thể hiện liên kết và trật tự nên hợp lý tính của ý niệm chính là *công lý* của pháp quyền trừu tượng vì nếu pháp quyền không có công lý thì ý niệm không đúng thật. Vậy ta cần khẳng địnhcông lý và trật tự có liên kết là hai cơ sở của pháp quyền trừu tượng, vui lòng tham khảo tài liệu “Dân chủ pháp trị - Luật pháp, công lý, tự do và trật tự xã hội” (Nguyen H. , 1991, pp. 5-105) về công lý và trật tự.

Ý niệm pháp quyền bằng moment đặc thù đã tự phát triển bản thân tiến vào nội tại và sản sinh ra những quy định của chính mình trên nền tảng tiền giả định của vòng tròn thiết định từ moment phổ quát (Hegel & Bùi, 1970, p. 178), tiếp theo đó cơ chế phản tư (tư biện) của moment đặc thù cho phép phép biện chứng tạo ra cái đối lập (tha nhân) để rồi phân biệt mình với tha nhân vì moment đặc thù đã tạo ra những quy định/tư tưởng của chính mình. Tuy nhiên ý niệm buộc phải có khả năng tự định nghĩa để tha nhân có thể phản tư theo cơ chế hai chiều nên phép biện chứng là moment tổng hợp hai moment phổ quát và đặc thù nhằm đồng nhất giữa cái đồng nhất (cái trừu tượng hóa tự định nghĩa) và không đồng nhất (sự đậm nét của ý niệm do phân biệt với tha nhân). Quá trình biện chứng cũng nêu bật hợp lý tính hay công lý của pháp quyền cũng như sản sinh vô số ý niệm phái sinh trong quá trình giao thoa ý niệm. Hegel đặt tên phương tiện tư duy của ý chí tự do theo moment biện chứng là khoa học logic hay tư duy tư biện (Hegel & Bùi, 1970, p. 178) mà ý niệm đã tự khẳng định hợp lý tính của nó trong tiến trình nội tại tự-mình và cho-mình nên công lý của pháp quyền phải truy hồi đến công lý tối cao của tinh thần tuyệt đối mới khẳng định được *tự hợp lý tính* hay *lý tính tự giác* (Hegel & Bùi, 1970, p. 179). Với lý tính tự giác (tự hợp lý tính), sự tự do của ý chí là *tự do tự giác* (Hegel & Bùi, 1970, p. 206) trở thành nguyên lý ẩn tàng của pháp quyền trừu tượng vốn đã có hai cơ sở công lý và trật tự có liên kết (hai cơ sở này lại được dẫn xuất từ ý chí tự do tức biện minh tồn tại qua hai moment phổ quát và đặc thù). Sự tự do tự giác này dẫn xuất pháp quyền Kant “sự tự do lựa chọn của tôi sao cho có thể cùng tồn tại với sự tự do lựa chọn của người khác”.

Hegel cho rằng (Hegel & Bùi, 1970, p. 181) ý niệm hay ý chí tự do được thúc đẩy bởi moment đặc thù liên tục phát triển đi đến phân hóa, càng về sau càng phong phú nhưng không phải hoàn toàn mới mẻ mà những quy định tuy càng phong phú nhưng lại hợp nhất với cái đầu tiên do moment phổ quát (trừu tượng hóa), đó là tiến trình của vòng tròn thiết định. Ta không thể thấy cái đúng thật đầu tiên vì ta chưa hiểu ý niệm nên cần hiểu ý niệm, nên tiến trình dị biệt càng rời xa càng phân hóa càng phong phú nhưng càng giảm tính đúng thật nên bị kéo trở về tính đúng thật; quy luật vòng tròn thiết định ở chỗ này. Những hình thái tức những quy định ấy chính là luân lý, đạo đức nếu đặt trong cùng một khái niệm bao trùm hơn thì mức tồn tại của chúng giảm tính độc lập và đúng thật. Tiến trình tự phát triển đi đến phân cấp theo cơ sở trật tự có liên kết nên ta cần hiểu rõ các cấp độ phân cấp này. Giả sử ý niệm là cái tổng hòa kết quả cuối thì biện minh tồn tại hay ý chí tự do của nó được gán nhãn pháp quyền như lõi của ý niệm, lúc này nhãn pháp quyền được gọi là *pháp quyền trừu tượng* đại diện cái hiện tồn nằm ở cấp độ cao nhất – cấp độ thứ nhất trong cục bộ ý niệm (vì còn tinh thần tuyệt đối/tinh thần khách quan). Pháp quyền trừu tượng với tư cách ý niệm luôn hợp lý tính nên còn được gọi là *pháp quyền lý tính*. Hegel tiếp tục phân chia ý niệm như phân chia nội dung của một cuốn sách (Hegel & Bùi, 1970, pp. 182-184) theo mô hình tam giác ngược với đỉnh là nền tảng. Khi ý niệm tiếp tục phản tư để nhận diện bản chất của chính mình và phân biệt với tha nhân, phần bên trong của ý niệm suy tưởng về bản chất thông qua trung giới với pháp quyền tha nhân để thiết lập mối liên kết nhưng ý niệm vẫn ở trong phần bên trong của mình (tạm được gọi là phần thiện) tức vẫn đặt nặng tồn tại tự-mình hơn là cho-mình; nói cách khác, lúc này ý niệm thiết lập luân lý nằm ở cấp độ thứ hai của tiến trình tự phát triển thể hiện cơ sở trật tự có liên kết của pháp quyền trừu tượng. Vậy *luân lý* là bản chất của ý niệm được dẫn xuất từ pháp quyền trừu tượng, thể hiện sự *hiện hữu đặc thù* của ý niệm (Hegel & Bùi, 1970, p. 182). Ý niệm – ý chí tự do tiếp tục suy tưởng về phần thiện (phần bên trong) vốn đã được phản tư nay lại được phản chiếu vào tha nhân (thế giới), tức là ý niệm tuy vẫn chưa rời khỏi chính mình nhưng đã bước chân vào thế giới đi đến moment biện chứng để tổng hòa hoàn toàn hai moment phổ quát và đặc dị, lúc đó ý niệm *hiện hữu khắp nơi* một cách tự-mình và cho-mình khiến ý chí tự do vừa là bản thể vừa là tất yếu; nói cách khác luân lý được cụ thể hóa thành *đạo đức* nằm ở cấp độ thứ ba của tiến trình tự phát triển (Hegel & Bùi, 1970, p. 183), cũng theo cách nói của Hegel, đạo đức khiến cái thiện phải được hoàn thành trong sự hiện hữu bên ngoài (Hegel & Bùi, 1970, p. 186), thể hiện sự thâm nhập vào nhau giữa chủ quan và khách quan (Hegel & Bùi, 1970, p. 184). Sự hiện hữu khắp nơi nghĩa là ý chí tự do vẫn ở trong phần thiện bên trong nó nhưng tự ý thức như là cái rộng hơn, ví dụ, cá nhân đặt mình trong gia đình và xã hội (Hegel & Bùi, 1970, pp. 186-187), khi đó đạo đức đang quay trở về bản thể ý chí tự do như là một điểm bắt đầu mới trên vòng tròn thiết định. Nói cách khác, đạo đức thống nhất ý chí cá nhân trong bản thể tự mình của nó và trong bao trùm của cái tiệm cận bong bóng ý niệm như là thế giới – hiện hữu khắp nơi. Pháp quyền thực định, pháp quyền nhà nước, nhà nước, hay hệ thống luật là hiện thực hóa của đạo đức, hiện thực hóa ý niệm thành khái niệm và khái niệm này sẽ đúng thật vì còn có pháp quyền trừu tượng ở cấp độ thứ nhất. Tiến trình tự phát triển là quy luật tất yếu để hình thành pháp quyền thực định sau này, tuy giảm tính đúng thật nhưng sẽ trở về tính đúng thật trên vòng tròn thiết định nhờ moment biện chứng tổng hợp từ hai moment phổ quát và đặc thù nên nếu đạo đức đi xa mãi trên một chiều tuyến tính thì pháp quyền thực định sẽ không còn đúng thật nhưng điều này cũng phi lý nếu như ý niệm hợp lý tính tự-mình và cho-mình trên giả định tinh thần khách quan/tinh thần tuyệt đối. Nói một cách tương tự, tiến trình tự phát triển và phân chia vừa nêu tuy giảm tính đúng thật nếu xét cục bộ trên ý niệm bị phân chia nhưng vẫn bảo đảm tính đúng thật tức hợp lý tính toàn cục bởi pháp quyền trừu tượng và tinh thần tối cao, lại một lần nữa bảo đảm sự hiện hữu khắp nơi, tự-mình và cho-mình, hợp lý tính và đúng thật của đạo đức. Tuy nhiên moment phổ quát (tự định nghĩa) cần phải luôn ám thị luân lý & đạo đức để tiến trình tự phát triển tự phân chia của ý chí tự do luôn bảo đảm hợp lý tính (công lý) có thể chừng mực không phải là kỳ vọng quá ư giả tưởng.

Luân lý ở cấp độ thứ hai là bản chất và đạo đức ở cấp độ thứ ba là chân lý của pháp quyền trừu tượng. Luân lý nghiêng về cơ sở trật tự có liên kết và đạo đức nghiêng về cơ sở công lý (hợp lý tính, đúng thật) của pháp quyền trừu tượng. Khi đề cập đến pháp quyền thực định hay nhà nước, ý niệm ngầm định là ý niệm con người và lịch sử xã hội. Luân lý ở đây mà Hegel đề cập là đạo đức mà Kant đề cập.

**Thay lời kết**

Trọng tâm bài nghiên cứu này thiết lập nền tảng học thuyết ý niệm cho triết học pháp quyền, từ gốc rễ biện minh tồn tại – hợp lý tính – ý chí tự do đâm ra thân cành pháp quyền trừu tượng, luân lý & đạo đức và chỉ mới dừng lại ở giới thiệu về pháp quyền trừu tượng, luân lý & đạo đức nên còn một quãng đường rất xa đến nảy lá đơm hoa kết trái với hệ thống luật nhà nước. Tôi hi vọng sẽ có dịp nghiên cứu kỹ pháp quyền trừu tượng và làm thế nào luân lý & đạo đức được dẫn xuất từ pháp quyền trừu tượng một cách chi tiết. Bất luận thế nào, tôi cả nghĩ rằng triết học pháp quyền định nghĩa con người bởi đối sánh với các mối liên hệ xung quanh trong tổng thể nên luân lý & đạo đức không phải phẩm hạnh cho dù sẽ đưa đến phẩm hạnh, đây là một hình thức định nghĩa bởi sự tương quan tương hỗ. Thuộc tính cũng được dẫn xuất từ sự tương quan tương hỗ, một giải pháp kết hợp vô hình cho nhận thức luận với tồn tại của sự bất khả tri bong bóng ý niệm.

**Tham khảo**

Hegel, G. W., & Bùi, N. V. (1970). *Các nguyên lý của triết học pháp quyền.* (N. V. Bùi, Ed.) Tri Thức.

Nguyen, H. (1991). *Dân chủ pháp trị - Luật pháp, công lý, tự do và trật tự xã hội.* San Jose, California, US: Bien Moi.

Nguyen, L. (2020, October). Tàng thức và phân tâm học. (Đ.-B. Đồng, H.-N. Đỗ, A.-D. Phạm, S. Trịnh, T. T. Hoàng, N. V. Phạm, . . . Minh-Ngọc, Eds.) *Từ Quang Buddhism Magazine, 34*, 59-75. Retrieved November 12, 2020, from https://drive.google.com/file/d/12Hvg\_XnDNOAtk5e8KywlvqhFttRBWUJs/view?usp=sharing

Nguyen, L. (2023, July 29). Trí tuệ luận. *OSF Preprint*. doi:10.31219/osf.io/y3upr

Wikipedia. (2007, December 2). *Triết học phương Tây*. (Wikimedia Foundation) Retrieved from Wikipedia website: https://vi.wikipedia.org/wiki/Tri%E1%BA%BFt\_h%E1%BB%8Dc\_ph%C6%B0%C6%A1ng\_T%C3%A2y

(Wikipedia, 2007)